

Phụ lục 2: Đinh lưỡng TCKTXVN giai đoạn I

STT	TIÊU CHÍ	Tổng số điểm
1	ĐỊA ĐIỂM BỀN VỮNG	15
1.1.	Địa điểm xây dựng phù hợp với quy hoạch	ĐKTQ
	Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về quy hoạch, kiến trúc và quản lý quy hoạch	ĐKTQ
	a. Có giấy phép quy hoạch b. Có giấy phép xây dựng	
1.2.	Bảo vệ môi trường, cảnh quan tự nhiên	15
1.2.1.	Gìn giữ, bảo tồn hệ sinh thái, cảnh quan tự nhiên	7
(a)	Không gây ô nhiễm môi trường và công trình lân cận.	1
(b)	Không can thiệp làm biến đổi địa hình tự nhiên, hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên	3
(c)	Phục hồi, cải thiện, nâng cấp môi trường, cảnh quan, điều kiện vi khí hậu	2
(d)	Có biện pháp giám sát, kiểm soát hạn chế những ô nhiễm (không khí, tiếng ồn, nguồn nước...) trong quá trình thi công xây dựng.	1
1.2.2.	Đảm bảo an toàn, độ bền vững của công trình liền kề và môi trường khu vực xung quanh.	2
1.2.3.	Hòa nhập với cảnh quan tự nhiên; Phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu	6
(a)	Giải pháp Quy hoạch, kiến trúc thích ứng và góp phần làm tăng giá trị cảnh quan thiên nhiên	3
(b)	Giải pháp Quy hoạch, kiến trúc, sử dụng công nghệ giảm thiểu những thiệt hại do biến đổi khí hậu (lũ lụt, sạt lở đất, bão, lốc...). Hạn chế phát thải khí nhà kính và CO2.	3
2	SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN, NĂNG LƯỢNG HIỆU QUẢ	40
2.1.	Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCKTQG) và các văn bản pháp luật hiện hành về : Các chỉ tiêu sử dụng đất; Sử dụng năng lượng; Sử dụng tài nguyên nước; Sử dụng nguyên vật liệu trong xây dựng	ĐKTQ
2.2.	Khai thác và sử dụng hiệu quả đất đai trong xây dựng	12
2.2.1.	Không xây dựng trên đất có giá trị môi trường sinh thái và đất nông nghiệp năng xuất cao	4
2.2.2.	Có giải pháp tiết kiệm đất xây dựng (tích hợp các chức năng sử dụng): a) Đầu tư tập trung hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội b) Khai thác hiệu quả không gian ngầm	8 2 2

	c) Giảm mật độ xây dựng thấp hơn QCXD, đồng thời tăng tỷ lệ đất xây dựng cho các dịch vụ công cộng	2
	d) Cân bằng giữa yếu tố tự nhiên và nhân tạo	2
2.3.	Khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước	12
2.3.1	Giải pháp quy hoạch, kiến trúc, lựa chọn vật liệu xây dựng, áp dụng công nghệ, trang thiết bị đảm bảo: Sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước, phòng chống rò rỉ hiệu quả; Thu gom, xử lý và tái sử dụng nước thải, nước mưa	5
2.3.2	An toàn nguồn nước, không gây ảnh hưởng đến mực nước ngầm; không xâm hại các tầng địa chất, địa mạo tự nhiên;	4
2.3.3	Chống ô nhiễm nguồn nước sạch. Bảo tồn và bồi xung nguồn nước ngầm.	3
2.4.	Khai thác và sử dụng hiệu quả năng lượng	10
2.4.1.	Giải pháp quy hoạch, kiến trúc, lựa chọn vật liệu xây dựng, áp dụng công nghệ, trang thiết bị đảm bảo:	7
a)	Sử dụng hiệu quả năng lượng tự nhiên (mặt trời, địa nhiệt...), khai thác và tận dụng tối đa năng lượng tái tạo khác (các nguồn năng lượng sẵn có tại khu vực, năng lượng tái sinh...). Sử dụng năng lượng tái tạo ≥ 5% toàn bộ năng lượng tiêu thụ trong toàn công trình.	4
b)	Thông gió chiếu sáng, chiếu nắng tự nhiên	3
2.4.2	Sử dụng các hệ thống kiểm soát, quản lý năng lượng trong công trình theo hướng giảm thiểu sử dụng năng lượng (như hệ thống EMS - Energy Management System...)	3
2.5.	Khai thác và sử dụng hiệu quả nguyên vật liệu (vỏ bao che và nội thất công trình)	6
2.5.1	Giảm thiểu việc sử dụng nguyên liệu hóa thạch	1
2.5.2	Sử dụng các nguyên vật liệu có chứng nhận không phát thải độc hại gây tác hại cho môi trường (các chất phát xạ, hóa chất, thải hữu cơ...) và có khả năng tái sử dụng.	1
2.5.3	Sử dụng vật liệu có chứng nhận xanh về quy trình khai thác và sản xuất nguyên vật liệu	1
2.5.4	Sử dụng vật liệu tại chỗ, không làm suy kiệt tài nguyên	1
2.5.5	Sử dụng vật liệu làm vỏ bao che bảo đảm: - Tiết kiệm và hiệu quả năng lượng (diện tích mở được cửa sổ ngoài phải ≥30% tổng diện tích cửa sổ ngoài); - Cách âm và giảm tiếng ồn trong mức cho phép (về ban ngày và ban đêm).	1
2.5.6	Sử dụng các vật liệu nội thất (thạch cao, sơn, vecni, vật liệu ốp lát, thảm, composite ...) đã được kiểm định và được phép lưu hành trên thị trường. Có 60 – 70% tường trong công trình sử dụng vật liệu không nung	1

3	CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG TRONG CÔNG TRÌNH VÀ TRONG KHU ĐÔ THỊ/NÔNG THÔN	13
3.1.	Tổ chức không gian bên trong công trình/khu đô thi hoặc nông thôn	3
3.1.1.	Phù hợp với nhu cầu sử dụng, tâm sinh lý con người và cộng đồng: (a) 75% diện tích sàn có tầm nhìn ra ngoài đáp ứng tiêu chuẩn (b) Khai thác hiệu quả các tầm nhìn, đồng thời không gây phiền toái tuyến nhìn trong khu ở.	1
3.1.2.	Giải pháp về không gian kiến trúc đáp ứng nhu cầu giao tiếp cộng đồng và thuận lợi cho người sử dụng	2
3.2.	Giải pháp kiến trúc, kết cấu, kỹ thuật hạn chế các yếu tố bất lợi của tự nhiên.	3
3.3.	Chất lượng âm thanh, thông gió, chiếu sáng, không khí	7
3.3.1.	Tuân thủ các quy chuẩn hiện hành	ĐKTQ
3.3.2.	Âm thanh: đảm bảo mức ồn cho phép trong nhà và khu vực lân cận	1
3.3.3	Thông gió: a) Khai thác hiệu quả luồng gió tự nhiên có lợi, cung cấp không khí trong lành cho người sử dụng; - <i>Hạn chế luồng gió có hại đến sức khỏe của người sử dụng.</i> - <i>Tạo được thông gió tự nhiên xuyên phòng</i> - <i>Có giải pháp thiết kế chống nóng, giảm nhận bức xạ mặt trời của tường và mái nhà.</i>	1
	b) Khai thác hiệu quả luồng gió cơ khí: - <i>Đáp ứng yêu cầu tiện nghi, sức khỏe cho người sử dụng.</i> - <i>Giảm thiểu sử dụng các thiết bị tiêu thụ nhiều năng lượng</i>	1
3.2.4	Chiếu sáng: Đảm bảo độ rọi, chỉ số chiếu sáng, hiệu quả thị giác, đáp ứng yêu cầu vệ sinh, sức khỏe cho người sử dụng	2
3.2.5	Không khí: Độ ô nhiễm, độc hại của không khí trong nhà thấp hơn tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.	2
4	KIẾN TRÚC TIỀN TIẾN, BẢN SẮC	17
4.1.	Giải pháp quy hoạch, kiến trúc tầm nhìn tiên tiến về nhu cầu sống, làm việc của con người trong tương lai	10
	a) Hướng tới các xu hướng sáng tác hiện đại	6
	b) Hướng tới các giá trị văn hóa nghệ thuật của xã hội trong tương lai	4
4.2.	Giải pháp quy hoạch, kiến trúc có bản sắc	7
4.2.1	Bảo tồn và phát triển giá trị văn hóa, giá trị kiến trúc truyền thống đặc trưng của vùng, miền:	5

	a) Bảo tồn và phát triển giá trị các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.	2
	b) Cấu trúc, tổ chức không gian truyền thống đối với nhà ở và công trình công cộng	1
	b) Phong cách/ đặc điểm kiến trúc truyền thống đặc sắc.	1
	c) Phương thức, sử dụng vật liệu xây dựng truyền thống	1
4.2.2.	Tăng thêm giá trị môi trường cảnh quan tự nhiên và môi trường kiến trúc văn hóa của khu vực.	2
5	TÍNH XÃ HỘI - NHÂN VĂN BỀN VỮNG	15
5.1.	Bảo đảm sự hòa nhập với truyền thống văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng, phong tục tập quán... của địa phương.	5
5.2.	Đáp ứng các nhu cầu vật chất, văn hóa, tinh thần của cá nhân, cộng đồng, dân tộc.	6
5.2.1	Góp phần nâng cao chất lượng sống của người khuyết tật	3
5.2.2.	Không tạo sự xung đột, mâu thuẫn, tranh chấp lợi ích và đảm bảo hòa nhập với cộng đồng	3
5.3.	Đảm bảo môi trường - kinh tế- xã hội ổn định	4
5.3.1.	Góp phần tăng trưởng việc làm và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.	2
5.3.2.	Tôn trọng, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong quá trình thiết kế, đầu tư xây dựng, khai thác sử dụng công trình kiến trúc, khu vực quy hoạch.	2
	Tổng số điểm	100